

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Earth-leakage add-on protection module VigiPacT, ComPacT NSX 250, 200VAC to 440VAC, 30mA to 30A, 4 poles

LV429493

Main

Range of product	ComPacT NSX100...250 new generation ComPact NSX100...250
Device short name	VigiPacT
Product or component type	Vigi add-on
Device application	Wiring
Range compatibility	ComPacT new generation ComPacT NSX250 new generation circuit breaker ComPact ComPact NSX250 circuit breaker
Poles description	4P
[In] rated current	250 A
Earth-leakage protection class	Class A Class AC
Residual earth-leakage sensitivity adjustment type	Adjustable
Earth-leakage sensitivity	0.03 A for class A 0.1 A for class A 0.3 A for class A 0.5 A for class A 1 A for class A 3 A for class A 10 A for class AC 30 A for class AC
Residual earth-leakage time delay adjustment type	Adjustable
[Δt] residual earth-leakage time delay adjustment	0 ms 60 ms 150 ms 300 ms 500 ms 800 ms 1.2 s 4 s

Complementary

Network type	AC
Network frequency	50/60 Hz
[Ue] rated operational voltage	200...440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Earth-leakage protection	With
Maximum breaking time	800 ms
Overvoltage category	IV

Environment

Electrical shock protection class	Class II
-----------------------------------	----------

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

Standards	IEC 60947-2
-----------	-------------

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	13.500 cm
Package 1 Width	14.200 cm
Package 1 Length	17.200 cm
Package 1 Weight	1.300 kg
Unit Type of Package 2	S04
Number of Units in Package 2	12
Package 2 Height	30.000 cm
Package 2 Width	40.000 cm
Package 2 Length	60.000 cm
Package 2 Weight	16.319 kg
Unit Type of Package 3	P12
Number of Units in Package 3	48
Package 3 Height	42.000 cm
Package 3 Width	80.000 cm
Package 3 Length	120.000 cm
Package 3 Weight	77.276 kg

Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

Dữ liệu môi trường đã giải thích >

Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >

Ảnh hưởng môi trường

Carbon footprint (kg.eq.CO2 per CR, Total Life cycle)	30
---	----

Environmental Disclosure	Product Environmental Profile
--------------------------	---

 BVB	Accepted
---	----------

Use Better

Vật liệu và Bao bì

Packaging made with recycled cardboard	No
--	----

Packaging without single use plastic	No
--------------------------------------	----

EU RoHS Directive	Compliant with Exemptions
-------------------	---------------------------

SCIP Number	Ef27149b-fb4f-412f-9539-28ab12115a54
-------------	--------------------------------------

REACH Regulation	REACH Declaration
------------------	-----------------------------------

China RoHS Regulation	China RoHS declaration
-----------------------	--

Use Again

 Đóng gói lại và tái sản xuất

Circularity Profile

[End of Life Information](#)

WEEE



The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Halogen content performance

Product contains halogen above thresholds

Take-back

No